



HAGL Group

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý II năm 2015

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 41



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.502.174.379	5.241.413.414
110	I. Tiền		743.320.199	601.272.163
111	1. Tiền	4	743.320.199	601.272.163
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.345.969.047	4.233.468.729
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	903.529.632	376.927.071
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	179.313.990	151.781.582
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.235.695.000	2.605.187.503
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.027.430.425	1.099.606.779
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(34.206)
140	III. Hàng tồn kho		329.108.124	309.065.841
141	1. Hàng tồn kho	9	329.108.124	309.065.841
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		83.777.009	97.606.681
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		605.207	4.653.327
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.190.449	11.170.114
155	3. Tài sản ngắn hạn khác	10	81.981.353	81.783.240
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		21.596.351.807	17.908.941.293
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		9.621.152.190	8.191.042.904
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	11	9.359.383.410	7.971.021.244
216	2. Phải thu dài hạn khác	12	261.768.780	220.021.660
220	II. Tài sản cố định		268.694.300	432.076.145
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	253.775.528	379.235.897
222	Nguyên giá		333.497.869	489.532.279
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(79.722.341)	(110.296.382)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	14.918.772	52.840.248
228	Nguyên giá		20.371.973	57.360.406
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.453.201)	(4.520.158)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	14.001.101	95.434.635
231	1. Nguyên giá		15.001.180	96.184.694
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.000.079)	(750.059)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		169.641.975	78.727.897
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	169.641.975	78.727.897
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		11.508.356.676	9.095.874.286
251	1. Đầu tư vào công ty con	17.1	11.437.505.856	8.824.915.498
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	17.2	16.850.000	238.962.500
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		54.000.820	31.996.288
260	VI. Tài sản dài hạn khác		14.505.565	15.785.426
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	18	14.505.565	15.785.426
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		26.098.526.186	23.150.354.707

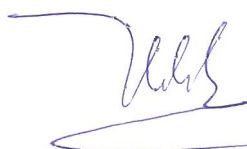
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		13.970.384.128	11.434.968.546
310	I. Nợ ngắn hạn		7.557.309.481	5.846.110.498
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	290.066.101	65.146.222
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	2.133.279.930	891.109.572
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	102.353.537	19.230.207
314	4. Phải trả người lao động		13.530.158	9.614.077
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	322.605.546	251.851.172
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	23	732.343.204	944.557.436
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	3.947.345.991	3.611.437.595
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		15.785.014	53.164.217
330	II. Nợ dài hạn		6.413.074.647	5.588.858.048
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	1.385.096
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25	6.406.491.283	5.580.874.703
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		6.583.364	6.598.249
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.128.142.058	11.715.386.161
410	I. Vốn chủ sở hữu	26.1	12.128.142.058	11.715.386.161
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		7.899.679.470	7.899.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.899.679.470	7.899.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.539.078.784	3.539.078.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		271.279.633	249.756.283
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		418.790.811	27.558.264
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		27.381.864	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		391.408.947	27.558.264
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		26.098.526.186	23.150.354.707

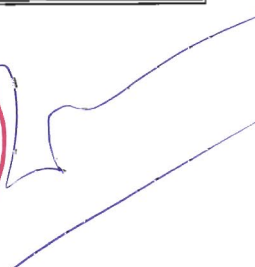


Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2015

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)	Năm nay	Năm trước (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	699.339.414	276.433.417	1.284.342.232	580.732.801
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(35.528)	(904.000)	(35.528)	(904.000)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	699.303.886	275.529.417	1.284.306.704	579.828.801
11	4. Giá vốn hàng bán	28	(462.549.180)	(201.253.532)	(812.027.350)	(450.386.652)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		236.754.706	74.275.885	472.279.354	129.442.149
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	306.988.187	253.210.644	558.161.708	467.707.725
22	7. Chi phí tài chính	29	(280.383.713)	(268.640.644)	(559.857.649)	(478.381.929)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(278.932.143)	(242.417.934)	(557.827.673)	(446.843.452)
25	8. Chi phí bán hàng		(13.269.276)	(19.678.468)	(24.279.981)	(33.976.265)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(30.152.775)	(26.366.568)	(54.225.281)	(49.292.389)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		219.937.129	12.800.849	392.078.151	35.499.291
31	11. Thu nhập khác	30	1.774.025	591.343	160.100.055	2.090.171
32	12. Chi phí khác	30	(2.400.290)	(1.161.589)	(4.135.012)	(1.554.893)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)	Năm nay	Năm trước (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)
40	13. Lợi nhuận khác	30	(626.265)	(570.246)	155.965.043	535.278
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		219.310.864	12.230.603	548.043.194	36.034.569
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	(47.470.121)	(2.467.255)	(117.576.197)	(8.611.110)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		171.840.743	9.763.348	430.466.997	27.423.459



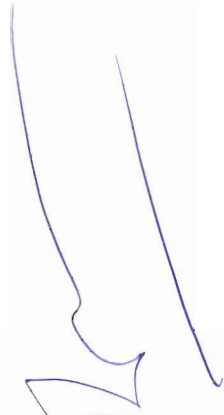
Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Ngày 14 tháng 8 năm 2015



Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		548.043.194	36.034.569
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	13,14,15	9.032.055	12.442.313
03	Các khoản dự phòng		(34.206)	30.785.150
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(6.478.643)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(835.305.739)	(459.669.221)
06	Chi phí lãi vay	29	557.827.673	446.843.452
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		279.562.977	59.957.620
09	Tăng các khoản phải thu		(324.900.864)	(148.061.053)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(20.042.283)	54.799.729
11	Tăng các khoản phải trả		1.350.366.114	276.870.383
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		5.327.981	(10.942.289)
14	Tiền lãi vay đã trả		(586.160.712)	(283.872.577)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	31	(57.874.212)	(44.836.922)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.361.097)	(5.308.618)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		639.917.904	(101.393.727)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(10.158.213)	(14.414.930)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		394.178.238	159.580
23	Tiền chi cho vay		(3.728.762.327)	(3.028.128.218)
24	Tiền thu hồi cho vay		3.029.053.380	1.557.959.012
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(2.560.754.793)	(226.574.600)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		702.301.393	161.134.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		307.180.086	325.760.126
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.866.962.236)	(1.224.105.030)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)
33	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền thu từ đi vay		2.624.950.295	3.396.197.984
	Tiền trả nợ gốc vay		(1.255.857.927)	(2.084.764.582)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.369.092.368	1.311.433.402
50	Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		142.048.036	(14.065.355)
60	Tiền đầu kỳ	4	601.272.163	1.547.434.971
70	Tiền cuối kỳ	4	743.320.199	1.533.369.616



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập



Hồ Thị Kim Chi
 Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2015

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và hai mươi bảy (27) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty và các công ty con là chăn nuôi bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây trồng khác; phát triển căn hộ, văn phòng và trung tâm thương mại để bán và cho thuê; xây dựng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; khai khoáng; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, đường Trường Chinh, phường Phù Đổng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“ngàn VNĐ”) phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ quý II năm 2015 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15"), và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200 và Quyết định 15 tại *Thuyết minh số 33* của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|---|---|--|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa | - | Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm vi tính	8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	50 năm
--------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, vườn cao su, hồ tiêu của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, hồ tiêu như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

3.10 Thuê tài sản

Việc xác định xem một thỏa thuận là hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các nghiệp vụ thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian thuê.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Chi phí đi vay (tiếp theo)

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và chủ yếu là giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 3 đến 5 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ chưa hoàn thiện, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (dựa trên tỷ suất sinh lợi của tài sản) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Tiền gửi ngân hàng	740.831.236	598.599.684
Tiền mặt tại quỹ	2.488.963	2.663.448
Tiền đang chuyển	-	9.031
TỔNG CỘNG	<u>743.320.199</u>	<u>601.272.163</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)</i>
Phải thu từ bán các khoản đầu tư	302.165.764	160.107.600
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	240.066.222	81.833.334
Phải thu từ bán tài sản cố định và bất động sản đầu tư	194.941.818	48.671.742
Phải thu hợp đồng xây dựng	149.187.703	56.702.357
Phải thu tiền bán căn hộ	17.168.125	29.612.038
TỔNG CỘNG	<u>903.529.632</u>	<u>376.927.071</u>

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 403.731.737 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (*Thuyết minh số 32*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	179.313.990	151.781.582
TỔNG CỘNG	179.313.990	151.781.582

Trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho bên liên quan là 82.512.645 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Thuyết minh số 32).

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)
Phải thu cho vay ngắn hạn nhân viên	522.512.000	205.232.911
Phải thu cho vay ngắn hạn các bên khác	497.110.000	494.230.016
Phải thu cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	216.073.000	1.878.235.588
Khoản cho vay Chính phủ Lào - Làng vận động viên SEA Games	-	27.488.988
TỔNG CỘNG	1.235.695.000	2.605.187.503

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)
Lãi cho vay các công ty, cá nhân khác	664.956.632	439.104.915
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	239.930.609	548.899.120
Phải thu nhân viên	14.599.109	16.383.959
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	1.360.424	316.265
Ký quỹ ngắn hạn	-	50.120
Các khoản khác	106.583.651	94.852.400
TỔNG CỘNG	1.027.430.425	1.099.606.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	160.839.205	206.774.904
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	92.974.929	55.012.072
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	75.278.859	41.376.750
<i>Sản xuất</i>	17.660.070	13.599.322
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	36.000	36.000
Hàng hóa	56.574.299	17.740.810
Thành phẩm	15.564.892	12.617.847
Vật liệu xây dựng	2.856.301	7.285.010
Nguyên vật liệu	244.117	9.024.930
Công cụ, dụng cụ	54.381	610.268
TỔNG CỘNG	329.108.124	309.065.841

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện giá trị ròng của Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho bên thứ ba. Thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

11. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)
Cho vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") (i)	3.401.185.936	3.807.185.936
Cho vay dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	2.750.537.421	2.081.870.953
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	2.481.287.068	1.613.869.736
Khoản cho vay Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	520.546.095	468.094.619
Phải thu cho vay dài hạn nhân viên	205.826.890	-
TỔNG CỘNG	9.359.383.410	7.971.021.244

(i) Cho vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") thể hiện khoản cho An Phú vay theo hợp đồng vay số 01102013/HĐV - HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2013 ("Hợp đồng [1]") và hợp đồng vay số 01/07/HĐV/AP/HAGL ngày 17 tháng 7 năm 2014 ("Hợp đồng [2]").

Hợp đồng [1] được bảo đảm bởi ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty. Khoản cho vay này có kỳ hạn ba năm kể từ ngày cho vay và có lãi suất là 9,5% mỗi năm. Mục đích của khoản vay này là để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Tập đoàn theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn. Theo thỏa thuận với An Phú số 1510/2013/HĐCC/HAGL - AP ngày 15 tháng 10 năm 2013, các tài sản của An Phú sau khi thực hiện các nghĩa vụ đảm bảo khác thì số còn lại sẽ được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay này và Công ty có quyền thu tiền từ khoản thanh lý tài sản và các dự án của An Phú.

Hợp đồng [2] là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 650 tỷ đồng và lãi suất là 9,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

11. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN (tiếp theo)

- (ii) Cho vay dài hạn các bên khác thể hiện khoản cho vay dài hạn các công ty, cá nhân khác với thời hạn đáo hạn từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 5 năm 2020 và lãi suất trung bình từ 10% đến 15,1%/năm.
- (iii) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.

12. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngân VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)</i>
Phải thu góp vốn hợp tác đầu tư (i)	261.254.100	219.554.100
Ký quỹ dài hạn	514.680	467.560
TỔNG CỘNG	<u>261.768.780</u>	<u>220.021.660</u>

- (i) Số dư cuối kỳ của khoản đầu tư vào hợp đồng hợp tác kinh doanh thể hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đông Mía để phát triển dự án trồng cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2015

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
	Ngàn VNĐ						
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	387.771.139	61.184.757	28.147.999	4.057.151	6.689.440	1.681.793	489.532.279
Mua sắm mới	-	1.615.819	13.510.550	358.382	-	-	15.484.751
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	731.918	-	-	-	-	-	731.918
Thanh lý, nhượng bán	(148.558.596)	(19.246.112)	(1.594.695)	(1.277.943)	-	(1.573.733)	(172.251.079)
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	239.944.461	43.554.464	40.063.854	3.137.590	6.689.440	108.060	333.497.869
Khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	(61.445.897)	(25.721.261)	(15.529.487)	(2.664.536)	(3.811.740)	(1.123.461)	(110.296.382)
Tăng trong kỳ	(4.060.256)	(2.313.935)	(1.583.640)	(205.956)	(479.616)	(9.005)	(8.652.408)
Thanh lý, nhượng bán	24.877.402	11.026.343	1.162.131	1.041.615	-	1.118.958	39.226.449
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	(40.628.751)	(17.008.853)	(15.950.996)	(1.828.877)	(4.291.356)	(13.508)	(79.722.341)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	326.325.242	35.463.496	12.618.512	1.392.615	2.877.700	558.332	379.235.897
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	199.315.710	26.545.611	24.112.858	1.308.713	2.398.084	94.552	253.775.528

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VNĐ</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	42.188.433	15.171.973	57.360.406
Thanh lý, nhượng bán	<u>(36.988.433)</u>	<u>-</u>	<u>(36.988.433)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>5.200.000</u>	<u>15.171.973</u>	<u>20.371.973</u>
Khấu hao lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	(4.520.158)	(4.520.158)
Tăng trong kỳ	<u>-</u>	<u>(933.043)</u>	<u>(933.043)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>-</u>	<u>(5.453.201)</u>	<u>(5.453.201)</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>42.188.433</u>	<u>10.651.815</u>	<u>52.840.248</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>5.200.000</u>	<u>9.718.772</u>	<u>14.918.772</u>

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	
Nguyên giá:		
Ngày 31 tháng 12 năm 2014 <i>(được trình bày lại - Thuyết minh số 33)</i>		96.184.694
Thanh lý, nhượng bán		<u>(81.183.514)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2015		<u>15.001.180</u>
Giá trị hao mòn:		
Ngày 31 tháng 12 năm 2014		(750.059)
Tăng trong kỳ		<u>(250.020)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2015		<u>(1.000.079)</u>
Giá trị còn lại:		
Ngày 31 tháng 12 năm 2014		<u>95.434.635</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2015		<u>14.001.101</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí trồng cây hồ tiêu	122.243.639	31.579.294
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25.076.579	25.076.580
Chi phí trồng cây cao su	22.072.022	22.072.023
Các công trình xây dựng khác	249.735	-
TỔNG CỘNG	<u>169.641.975</u>	<u>78.727.897</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2015

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

17.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp và các công ty con như sau:

Tên công ty con	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Các Tổng Công ty con quản lý ngành					
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò	79,52	5.443.421.358	92,13	3.830.831.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	85,75	3.253.537.647	85,75	3.253.537.647
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	95,58	2.532.179.575	92,81	1.532.179.575
Các công ty xây dựng, kinh doanh và dịch vụ					
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Bệnh viện	99,00	99.000.000	99,00	99.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	51,00	59.000.000	51,00	59.000.000
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào) (i)	Trồng cây cao su	80,00	26.930.800	80,00	26.930.800
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane (i)	Bất động sản	100,00	17.778.990	100,00	17.778.990
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	55,12	4.680.000	55,12	4.680.000
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Quản lý bất động sản và khách sạn	94,50	977.486	94,50	977.486
TỔNG CỘNG			11.437.505.856		8.824.915.498

(i) Trước hoạt động thể hiện các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa đi vào hoạt động kinh doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2015

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

17.2 Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015			Ngày 31 tháng 12 năm 2014		
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc ngàn VND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc ngàn VND
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	1.185.000	42,55	11.850.000	1.185.000	42,55	11.850.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Dịch vụ tư vấn	500.000	25,00	5.000.000	500.000	25,00	5.000.000
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	-	-	-	6.000.000	30,00	183.183.000
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (*)	Chăn nuôi	-	-	-	3.892.950	45,00	38.929.500
TỔNG CỘNG				16.850.000			238.962.500

(*) Vào ngày 26 tháng 4 năm 2015, Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên đã chuyển thành công ty con của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2015

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)
Tiền thuê đất	10.101.922	10.237.634
Chi phí bán căn hộ	2.743.841	2.109.947
Công cụ, dụng cụ	1.488.806	2.615.745
Chi phí trả trước dài hạn khác	170.996	822.100
TỔNG CỘNG	14.505.565	15.785.426

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	184.670.747	63.496.149
Phải trả tiền mua sắm máy móc thiết bị và phát triển vườn cây	96.169.118	-
Phải trả nhà thầu xây dựng	1.301.704	610.000
Các khoản khác	7.924.532	1.040.073
TỔNG CỘNG	290.066.101	65.146.222

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 14.052.759 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Thuyết minh số 32).

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Khách hàng thương mại trả tiền trước	1.159.603.152	626.208.242
Khách hàng xây dựng trả tiền trước	950.156.253	239.839.533
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	23.520.525	25.061.797
TỔNG CỘNG	2.133.279.930	891.109.572

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 1.177.164.515 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Thuyết minh số 32).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2015

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 31)	77.149.069	17.447.084
Thuế giá trị gia tăng	24.460.833	689.451
Thuế thu nhập cá nhân	721.598	1.088.733
Các khoản phải nộp khác	22.037	4.939
TỔNG CỘNG	<u>102.353.537</u>	<u>19.230.207</u>

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí lãi vay	320.155.809	243.637.312
Chi phí hoạt động	2.449.737	8.213.860
TỔNG CỘNG	<u>322.605.546</u>	<u>251.851.172</u>

23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	520.520.413	849.110.839
Các khoản khác	211.822.791	95.446.597
TỔNG CỘNG	<u>732.343.204</u>	<u>944.557.436</u>

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Trái phiếu đến hạn trả trong vòng một năm (Thuyết minh số 25)	2.126.073.000	1.980.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	1.100.000.000	1.100.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	702.441.050	477.143.203
Vay dài hạn ngân đến hạn trả trong vòng một năm (Thuyết minh số 25)	18.831.941	54.294.392
TỔNG CỘNG	<u>3.947.345.991</u>	<u>3.611.437.595</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)</i>
Trái phiếu thường	7.310.925.660	6.398.579.830
Trái phiếu hoán đổi	1.130.000.000	1.130.000.000
Vay công ty khác	72.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	38.470.564	86.589.265
TỔNG CỘNG	<u>8.551.396.224</u>	<u>7.615.169.095</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả trong vòng một năm (Thuyết minh số 24)</i>	<i>18.831.941</i>	<i>54.294.392</i>
<i>Trái phiếu đến hạn trả trong vòng một năm (Thuyết minh số 24)</i>	<i>2.126.073.000</i>	<i>1.980.000.000</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>6.406.491.283</i>	<i>5.580.874.703</i>



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2015

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngân VNĐ
6 tháng năm 2014						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2013	7.181.546.930	3.544.438.784	8.622.737	230.027.423	551.721.939	11.516.357.813
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	27.423.459	27.423.459
Trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	1.371.173	(2.193.877)	(822.704)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	(3.745.570)	(3.745.570)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2014	7.181.546.930	3.544.438.784	8.622.737	231.398.596	573.205.951	11.539.212.998

6 tháng năm 2015

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngân VNĐ
6 tháng năm 2015						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	249.756.283	27.558.264	11.715.386.161
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	430.466.997	430.466.997
Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	21.523.350	(34.437.360)	(12.914.010)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	(4.797.090)	(4.797.090)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2015	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	271.279.633	418.790.811	12.128.142.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

26.2 Cổ phiếu

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015 Cổ phiếu</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	789.967.947	789.967.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>789.967.947</i>	<i>789.967.947</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>68.664</i>	<i>68.664</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	789.899.283	789.899.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>789.899.283</i>	<i>789.899.283</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

	Quý II		Ngân VNĐ	
	Năm nay	Năm trước (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)	Năm nay	Năm trước (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)
27. DOANH THU				
27.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Doanh thu gộp	699.339.414	276.433.417	1.284.342.232	580.732.801
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	354.726.845	77.451.061	528.167.127	114.972.888
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	279.104.880	159.734.797	454.672.841	324.647.933
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	14.994.182	-	214.941.818	-
Doanh thu căn hộ	40.865.421	18.059.493	58.701.819	102.671.623
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.648.086	21.188.066	27.858.627	38.440.357
Các khoản giảm trừ doanh thu	(35.528)	(904.000)	(35.528)	(904.000)
Hàng bán bị trả lại	(35.528)	(904.000)	(35.528)	(904.000)
Doanh thu thuần	699.303.886	275.529.417	1.284.306.704	579.828.801
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	354.726.845	77.451.061	528.167.127	114.972.888
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	279.069.352	158.830.797	454.637.313	323.743.933
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	14.994.182	-	214.941.818	-
Doanh thu căn hộ	40.865.421	18.059.493	58.701.819	102.671.623
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.648.086	21.188.066	27.858.627	38.440.357



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2015

27. DOANH THU (tiếp theo)

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II			Ngân VNĐ		
	Năm nay		Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Năm trước
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm nay	Năm trước	
Lãi cho vay	289.308.299	231.466.954	530.863.024	435.132.455		
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.499.105	7.295.134	12.540.269	7.295.134		
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.353.782	14.448.556	7.331.414	23.936.667		
Thu nhập từ các khoản đầu tư	6.827.001	-	6.827.001	1.343.469		
Cổ tức nhận được	-	-	600.000	-		
TỔNG CỘNG	306.988.187	253.210.644	558.161.708	467.707.725		

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý II			Ngân VNĐ		
	Năm nay		Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Năm trước
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm nay	Năm trước	
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	179.916.904	53.136.513	273.388.327	83.721.146		
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	243.245.278	120.117.802	390.838.926	253.439.790		
Giá vốn bất động sản đầu tư	-	-	81.183.514	-		
Giá vốn căn hộ	32.137.892	12.809.329	45.937.971	80.980.140		
Giá vốn dịch vụ cung cấp	7.249.106	15.189.888	20.678.612	32.245.576		
TỔNG CỘNG	462.549.180	201.253.532	812.027.350	450.386.652		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngân VNĐ			
	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)	Năm nay	Năm trước (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)
Chi phí lãi vay	278.932.143	242.417.934	557.827.673	446.843.452
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.451.570	(1.432.835)	2.023.484	673.278
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	30.785.150	-	30.785.150
Các khoản khác	-	(3.129.605)	6.492	80.049
TỔNG CỘNG	280.383.713	268.640.644	559.857.649	478.381.929



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

30. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngân VNĐ			
	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)	Năm nay	Năm trước (được trình bày lại - Thuyết minh số 33)
Thu nhập khác	1.774.025	591.343	160.100.055	2.090.171
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	173.719	(12.462)	155.925.996	-
Các khoản bồi thường	-	1.570.141	-	1.570.141
Các khoản khác	1.600.306	(966.336)	4.174.059	520.030
Chi phí khác	(2.400.290)	(1.161.589)	(4.135.012)	(1.554.893)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	(743.370)	-	(743.370)
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	(239.808)	-	(479.617)	-
Các khoản phạt	-	(218.440)	-	(218.440)
Các khoản khác	(2.160.482)	(199.779)	(3.655.395)	(593.083)
LỢI NHUẬN KHÁC	(626.265)	(570.246)	155.965.043	535.278



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>6 tháng năm 2015</i>	<i>6 tháng năm 2014</i>
Thuế TNDN hiện hành	<u>117.576.197</u>	<u>8.611.110</u>
TỔNG CỘNG	<u>117.576.197</u>	<u>8.611.110</u>

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>6 tháng năm 2015</i>	<i>6 tháng năm 2014</i>
Lợi nhuận trước thuế	548.043.194	36.034.569
Các khoản chi phí không được khấu trừ	5.363.406	9.065.598
Các khoản phạt	-	519.885
Thu nhập cổ tức	(600.000)	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	<u>(10.914.792)</u>	<u>(6.478.643)</u>
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	<u>541.891.808</u>	<u>39.141.409</u>
Thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	119.216.199	8.611.110
Trích thừa thuế TNDN cho các kỳ trước	<u>(1.640.002)</u>	<u>-</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	117.576.197	8.611.110
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	17.447.084	35.091.960
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	<u>(57.874.212)</u>	<u>(44.836.922)</u>
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	<u>77.149.069</u>	<u>(1.133.852)</u>

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Doanh thu	155.411.309
		hợp đồng xây dựng Doanh thu bán hàng hóa	8.244.584
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	100.916.551
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	32.062.572
		Doanh thu khác	2.189.309
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Bên liên quan	Mua tài sản cố định	86.481.346
		Lãi cho vay	22.744.410
		Doanh thu bán hàng hóa	1.975.522
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	252.504
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	64.902.304
		Mua hàng hóa và dịch vụ	7.846.837
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	323.030
		Chi phí khác	26.600
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	53.047.739
		Doanh thu khác	116.916
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	93.670
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.956
		Lãi chuyển nhượng cổ phần	12.449
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hoá	27.211.730
		Mua hàng hóa	17.226.233
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	738.678
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	40.915.757
		Lãi chuyển nhượng cổ phần	2.199.578
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	14.740
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	39.785.059
		Doanh thu khác	292.289

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	37.580.169
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	26.091.067
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	10.510.020
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	9.225.229
		Chi phí quảng cáo	6.500.000
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	3.549.343
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	109.590
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	17.440.180
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	7.268.044
		Doanh thu bán hàng hóa	1.326.545
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	169.513
		Doanh thu khác	29.229
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi chuyển nhượng cổ phần	4.614.974
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	2.815.556
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua dịch vụ	976.738
		Doanh thu bán hàng hóa	4.501.125
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Doanh thu hợp đồng xây dựng	110.941
		Các khoản khác	997.600

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu chuyển nhượng cổ phần	162.074.164
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	50.944.745
		Phải thu hợp đồng xây dựng	42.928.270

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)			
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa Phải thu hợp đồng xây dựng	58.528.564 299.629
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	25.789.170
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	20.937.822
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa Phải thu hợp đồng xây dựng	16.628.229 1.138.040
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng Phải thu cung cấp dịch vụ	11.435.289 117.798
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng Phải thu cung cấp dịch vụ	5.885.205 100.662
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trúc Thịnh	Bên liên quan	Bán hàng hóa và dịch vụ	4.173.740
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa Phải thu hợp đồng xây dựng	1.021.100 186.465
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	<u>1.542.845</u>
TỔNG CỘNG			<u>403.731.737</u>
Các khoản trả trước ngắn hạn cho người bán			
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Ứng trước mua hàng hoá	<u>82.512.645</u>
Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	<u>216.073.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</i>			
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay Chi phí trả hộ	100.621.796 1.582.674
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi phí trả hộ	73.813.604
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay Chi phí trả hộ	40.318.778 292.289
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay Chi phí trả hộ	9.225.229 1.156.110
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay Chi phí trả hộ	7.268.044 70.479
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay Chi phí trả hộ	2.815.556 434.649
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi phí trả hộ	1.567.242
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	764.159
TỔNG CỘNG			<u>239.930.609</u>
<i>Các khoản phải thu về cho vay dài hạn</i>			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	939.366.000
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	729.231.638
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	586.076.353
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	180.104.991
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	137.683.300
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	50.597.286
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	40.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	24.682.417



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau (tiếp theo):

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ</i> <i>Số dư</i>
Các khoản phải thu về cho vay dài hạn (tiếp theo)			
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	18.796.482
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	15.562.764
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	10.447.317
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	9.883.128
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	7.031.539
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xê Kông	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	507.206
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	567.000
TỔNG CỘNG			2.750.537.421
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	10.590.243
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Mua dịch vụ	1.074.411
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	833.948
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	808.520
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải trả hợp đồng xây dựng	727.621
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	18.016
TỔNG CỘNG			14.052.759
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Ứng trước hợp đồng xây dựng	284.255.160
		Ứng trước tiền mua hàng hóa	231.124.800
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	153.044.616

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn (tiếp theo)			
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	140.172.442
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	98.159.761
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	91.559.814
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	74.825.963
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Ứng trước hợp đồng xây dựng	68.618.190
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	31.089.769
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	4.314.000
TỔNG CỘNG			<u>1.177.164.515</u>
Các khoản phải trả ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Vay mượn tạm	220.867.316
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	189.711.718
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	100.039.563
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Chi hộ	6.093.450
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi hộ	3.808.366
TỔNG CỘNG			<u>520.520.413</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

33. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ 6 tháng năm 2014 và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ 6 tháng năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kết toán

	Ngàn VNĐ		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
TÀI SẢN NGẮN HẠN	6.383.017.379	(1.141.603.965)	5.241.413.414
Đầu tư ngắn hạn	81.783.240	(81.783.240)	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	216.819.471	160.107.600	376.927.071
Trả trước cho người bán ngắn hạn	220.714.082	(68.932.500)	151.781.582
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	2.605.187.503	2.605.187.503
Phải thu ngắn hạn khác	4.921.139.268	(3.821.532.489)	1.099.606.779
Tài sản ngắn hạn khác	16.434.079	65.349.161	81.783.240
TÀI SẢN DÀI HẠN	16.805.621.866	1.103.319.427	17.908.941.293
Phải thu về cho vay dài hạn	-	7.971.021.244	7.971.021.244
Phải thu dài hạn khác	6.333.833.672	(6.113.812.012)	220.021.660
Nguyên giá – Bất động sản đầu tư	15.001.180	81.183.514	96.184.694
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	828.317.509	(796.321.221)	31.996.288
Chi phí trả trước dài hạn	54.069.964	(38.284.538)	15.785.426
Tài sản dài hạn khác	467.560	(467.560)	-
NỢ PHẢI TRẢ	11.473.253.084	(38.284.538)	11.434.968.546
Phải trả dài hạn khác	7.983.345	(6.598.249)	1.385.096
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	5.619.159.241	(38.284.538)	5.580.874.703
Dự phòng phải trả dài hạn	-	6.598.249	6.598.249
VỐN CHỦ SỞ HỮU	11.715.386.161	-	11.715.386.161
Quỹ đầu tư phát triển	8.622.737	241.133.546	249.756.283
Quỹ dự phòng tài chính	241.133.546	(241.133.546)	-

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ

	Ngàn VNĐ		
	6 tháng năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	6 tháng năm 2014 (được trình bày lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	580.885.245	(152.444)	580.732.801
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.056.444)	152.444	(904.000)
Chi phí hoạt động tài chính - <i>Chi phí lãi vay</i>	(439.855.419)	(6.988.033)	(446.843.452)
Thu nhập khác	2.249.751	(159.580)	2.090.171
Chi phí khác	(1.714.473)	159.580	(1.554.893)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2015

33. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ

	6 tháng năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Ngàn VNĐ 6 tháng năm 2014 (được trình bày lại)
Chi phí lãi vay	439.855.419	6.988.033	446.843.452
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	52.969.587	6.988.033	59.957.620
Tăng chi phí trả trước	(3.954.256)	(6.988.033)	(10.942.289)

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 23 tháng 7 năm 2015, Công ty đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 2.150 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ) do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất 10%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân, trả sau, kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại Chi nhánh của bốn Ngân hàng thương mại tại tỉnh Gia Lai, bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tại Ngày Xác Định Lãi Suất cộng (+) với biên độ 4%/năm. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng ngày 23 tháng 7 năm 2015 với tổng số tiền thu được là 2.150 tỷ VNĐ.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để cơ cấu lại các khoản nợ của doanh nghiệp; hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Chăn nuôi Bá Thước thực hiện Dự án chăn nuôi bò Úc tại tỉnh Thanh Hóa; bổ sung vốn cho các công ty thành viên để chi trả cho các chi phí thực hiện dự án trồng, chăm sóc cây cao su, xây dựng nhà máy chế biến cao su, nhà máy nhiệt điện và thành lập đơn vị can thiệp tim mạch.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 4.897,5 ha tại tỉnh Attapeu và Sekong thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Nông nghiệp và Cao su Hoàng Anh - Quang Minh; quyền sử dụng đất và vườn cây cao su, cọ dầu với quy mô 17.678,5 ha tại tỉnh Attapeu thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; quyền thuê, tài sản gắn liền với quy mô 51 ha tại huyện Phou Vong, quyền sử dụng đất và vườn mía với quy mô 2.723,9 ha tại tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu, là các công ty con của Công ty tại tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 9.380,9 ha tại tỉnh Rattanakiri thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas, là công ty con của Công ty tại tỉnh Rattanakiri, Vương quốc Campuchia và 79,93 triệu cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.



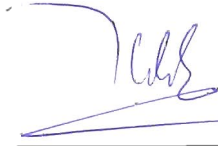
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2015

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN (tiếp theo)

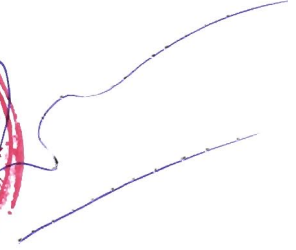
Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2015





Số: 182 ICV- HAGL
(Về giải trình biến động kết quả
kinh doanh trên BCTC riêng Quý II/2015)

Gia Lai, ngày 14 tháng 8 năm 2015

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (mã CK: HAG) giải trình biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng Quý II/2015 so với Quý II/2014 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế Quý II/2015: 171.840.743 ngàn đồng.
- Lợi nhuận sau thuế Quý II/2014: 9.763.348 ngàn đồng.

Các biến động như sau:

1. Hoạt động kinh doanh

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: trong kỳ tăng 423 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2014 (Quý II/2014 là 276 tỷ đồng; Quý II/2015 là 699 tỷ đồng). Biến động chủ yếu như sau:
 - + Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng tăng 278 tỷ đồng (Quý II/2014: 77 tỷ đồng; Quý II/2015: 355 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu do trong kỳ Công ty triển khai các hợp đồng mới xây dựng chuồng trại cho các công ty chăn nuôi.
 - + Doanh thu từ bán sản phẩm, hàng hóa tăng 120 tỷ đồng (Quý II/2014: 159 tỷ đồng; Quý II/2015: 279 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu là do hàng hóa, nguyên vật liệu cung cấp cho ngành Nông nghiệp của Tập đoàn tăng.
 - + Doanh thu từ bán căn hộ tăng 23 tỷ đồng (Quý II/2014: 18 tỷ đồng; Quý II/2015: 41 tỷ đồng). Chủ yếu do dự án Bàu Thạc Gián đã bán gần hết.
- Tương ứng với sự biến động của doanh thu, giá vốn hàng bán trong kỳ tăng 262 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2014 (Quý II/2014 là 201 tỷ đồng; Quý II/2015 là 463 tỷ đồng). Biến động chủ yếu như sau:
 - + Giá vốn các hợp đồng xây dựng tăng 127 tỷ đồng (Quý II/2014: 53 tỷ đồng; Quý II/2015: 180 tỷ đồng).
 - + Giá vốn sản phẩm, hàng hóa tăng 123 tỷ đồng (Quý II/2014: 120 tỷ đồng; Quý II/2015: 243 tỷ đồng).
 - + Giá vốn bán căn hộ tăng 19 tỷ đồng (Quý II/2014: 13 tỷ đồng; Quý II/2015: 32 tỷ đồng).

2. Hoạt động tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính: trong kỳ tăng 54 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2014 (Quý II/2014 là 253 tỷ đồng; Quý II/2015 là 307 tỷ đồng). Biến động chủ yếu như sau:
 - + Lãi cho vay các công ty, cá nhân tăng 58 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2014 (Quý II/2014 là 231 tỷ đồng; Quý II/2015 là 289 tỷ đồng).
 - + Lãi từ chuyển nhượng cổ phần là 7 tỷ đồng. Khoản doanh thu này không phát sinh trong cùng kỳ năm 2014.
 - + Lãi tiền gửi ngân hàng giảm 11 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2014 (Quý II/2014 là 14 tỷ đồng; Quý II/2015 là 3 tỷ đồng).



- Chi phí hoạt động tài chính: trong kỳ tăng 11 đồng so với cùng kỳ năm 2014 (Quý II/2014 là 269 tỷ đồng; Quý II/2015 là 280 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu do Công ty phát hành thêm trái phiếu mới nên chi phí lãi vay tăng 37 tỷ đồng, bù trừ với hoàn nhập dự phòng đầu tư dài hạn quý II/2014 là 30 tỷ đồng.

Các lĩnh vực khác của Công ty diễn ra bình thường, không có biến động lớn.

Trên đây là giải trình của Công ty về kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng Quý II/2015.

Trân trọng kính chào.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT



Võ Trường Sơn

